

Bản án số: 10/2024/LĐ – ST
Ngày: 26 - 9 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng lao động,
bảo hiểm xã hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Cẩm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Huy, công tác tại Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện Cần Giuộc;

2. Ông Phạm Minh Hiếu, công tác tại Liên đoàn Lao động huyện Cần Giuộc;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2024/TLST- LĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng lao động và bảo hiểm xã hội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST - LĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim N, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn I;

Địa chỉ trụ sở chính: Lô B, đường X, khu công nghiệp H, xã H1, huyện G, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông E, chức danh: Tổng giám đốc;

2. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.

Địa chỉ: Số Q, Z, phường W, thành phố T, tỉnh Long An.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Kim N trình bày:

Năm 2010, bà có cho bà Nguyễn Thị Tuyết S, sinh ngày 19/12/1993 mượn giấy tờ tùy thân để xin việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn I (Sau đây viết là Công ty I), khi đó bà S chưa đủ 18 tuổi. Công ty I có tham gia bảo hiểm xã hội cho bà S, với tên của bà, theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 8010015847 cấp ngày 06/6/2010 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.

Trong thời gian này, bà đang làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Giày F và được Công ty trách nhiệm hữu hạn Giày F tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 8011033463 cấp ngày 07/5/2012 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.

Gần đây, bà biết được bà có 02 sổ bảo hiểm xã hội trùng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 09/2011 đến tháng 03/2013, gồm sổ bảo hiểm xã hội mã số 8010015847 và sổ bảo hiểm xã hội mã số 8011033463. Do đó, bà khởi kiện bà Nguyễn Thị Tuyết S, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên vô hiệu Hợp đồng lao động được giao kết giữa Công ty I với bà Võ Thị Kim N nhưng người lao động và người ký hợp đồng trên thực tế là bà Nguyễn Thị Tuyết S.

Điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội mã số 8010015847 mang tên Võ Thị Kim N làm việc tại Công ty I, thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ 05/2010 đến tháng 03/2013 thành tên của bà Nguyễn Thị Tuyết S, để bà và bà S được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội của mình theo đúng quy định của pháp luật.

Bà tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động và xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết S trình bày:

Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của bà Võ Thị Kim N. Năm 2010, bà có mượn giấy tờ tùy thân của bà N đi làm tại Công ty I. Đến ngày 19/3/2013 bà nhưng với tên của bà N xin nghỉ việc tại Công ty I và sử dụng thông tin thật của bà để tiếp tục làm việc tại Công ty I cho đến nay, được Công ty I tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 8013016013 cấp ngày 14/9/2013 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.

Đối với sổ bảo hiểm xã hội mã số 8010015847 mang tên Võ Thị Kim N thì khi nghỉ việc vào tháng 03/2013, bà đã lãnh 02 tháng trợ cấp thất nghiệp, ngoài ra không lãnh chế độ nào khác.

Bà đồng ý điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội 8010015847 mang tên Võ Thị Kim N thành tên của bà Nguyễn Thị Tuyết S và đề nghị gộp sổ bảo hiểm xã hội này với sổ bảo hiểm xã hội 8013016013 của bà theo quy định của pháp luật.

Bà xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An có ý kiến: Tháng 12/2009, Công ty I có kê khai đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN cho người lao động tên Võ Thị Kim N, sinh ngày 27/3/1992, sổ sổ BHXH được cấp là 8010015847, quá trình đóng BHXH, BHTN từ tháng 05/2010 đến tháng 03/2013, hiện chưa được duyệt hưởng trợ cấp BHXH một lần, đã hưởng trợ cấp BHTN. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty I đã được Tòa án tổng đạt các văn bản và quyết định tố tụng hợp lệ nhưng Công ty vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa Công ty I với bà Võ Thị Kim N nhưng người lao động thật sự là bà Nguyễn Thị Tuyết S; điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội mã số 8010015847 cấp ngày 06/6/2010 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An, thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 05/2010 đến tháng 03/2013 thành tên của bà Nguyễn Thị Tuyết S, đồng thời gộp sổ bảo hiểm xã hội này với sổ bảo hiểm xã hội số 8013016013 cấp ngày 14/9/2013 của bà S. Bà N và bà S được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền của Tòa án: Bà Võ Thị Kim N khởi kiện bà Nguyễn Thị Tuyết S, yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội. Bà Nguyễn Thị Tuyết S có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Long An. Căn cứ vào Khoản 5 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

[1.2] Sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn và Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Công ty I đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227,

Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động: Bà Võ Thị Kim N và bà Nguyễn Thị Tuyết S thống nhất trình bày vào năm 2010 bà N có cho bà S mượn giấy tờ tùy thân để bà S giao kết hợp đồng lao động với Công ty I, thời gian làm việc từ tháng 05/2010 đến tháng 03/2013. Công ty I đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng liên quan nhưng không có ý kiến phản hồi về toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N. Do đó, căn cứ theo Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định lời trình bày của bà N và bà S là đúng sự thật. Vào tháng 05/2010, bà Nguyễn Thị Tuyết S đã sử dụng thông tin nhân thân của bà Võ Thị Kim N để giao kết hợp đồng lao động với Công ty I. Trên hợp đồng lao động thì tên người lao động là bà Võ Thị Kim N, nhưng thực tế người ký hợp đồng lao động và người thực sự làm việc tại Công ty I là bà Nguyễn Thị Tuyết S.

Từ đó, xác định giữa bà N và Công ty I không tồn tại quan hệ lao động, hợp đồng lao động. Thay vào đó, bà S mới là người lao động thật sự và có tồn tại quan hệ lao động, hợp đồng lao động với Công ty I theo quy định tại Điều 7, 27 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002.

Tuy nhiên, bà S sử dụng thông tin của bà N để giao kết hợp đồng lao động với Công ty I là không đảm bảo nguyên tắc trung thực khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002. Công ty I sử dụng lao động là bà S nhưng lại giao kết hợp đồng lao động theo thông tin của bà N nên Công ty I chưa thực hiện đúng quy định về việc tuyển dụng người lao động theo Điều 8 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002 và Điều 7, 8 Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về việc làm.

Vậy nên, khi giao kết hợp đồng lao động, bà S và Công ty I đều vi phạm quy định của pháp luật lao động. Nay bà N yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động là có cơ sở. Căn cứ theo Khoản 4 Điều 166 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Tuyết S (trên hợp đồng lao động ghi tên bà Võ Thị Kim N) với Công ty I trong thời gian từ tháng 05/2010 đến tháng 03/2013 bị vô hiệu toàn bộ.

[2.2] Yêu cầu điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội: Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An xác định Công ty I có kê khai đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN cho người lao động tên Võ Thị Kim N, sinh ngày 27/3/1992, sổ sổ BHXH được cấp là 8010015847, quá trình đóng BHXH, BHTN từ tháng 05/2010 đến tháng 03/2013, hiện chưa được duyệt hưởng trợ cấp BHXH một lần, đã hưởng trợ cấp BHTN.

Tuy nhiên, từ tháng 05/2010 đến tháng 03/2013, người lao động thực sự làm việc tại Công ty I là bà Nguyễn Thị Tuyết S. Thời điểm tháng 05/2010, bà S

đã đủ 15 tuổi theo quy định tại Điều 6 Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002. Nay, bà N và bà S thống nhất điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội nêu trên thành tên của bà Nguyễn Thị Tuyết S là có cơ sở, phù hợp với thực tế. Việc điều chỉnh này là bảo đảm đúng đối tượng lao động thật sự, phù hợp với quy định về bảo hiểm xã hội tại Điều 140 Bộ luật lao động năm 1994, Điều 15, 16, 20 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006, Điều 18, 23 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, nên được chấp nhận, điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội mã số 8010015847 từ tên Võ Thị Kim N thành tên Nguyễn Thị Tuyết S.

Ngoài ra, sau khi bà S (với tên của bà N) nghỉ việc tại Công ty I thì bà S tiếp tục sử dụng thông tin nhân thân của bà để xin việc tại Công ty I và được Công ty I đóng bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 8013016013 cấp ngày 14/9/2013 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An, thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 05/2013 cho đến nay. Nay, bà S yêu cầu gộp sổ bảo hiểm xã hội mã số 8010015847 với sổ bảo hiểm xã hội mã số 8013016013 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 46 của Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về ban hành Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế, nên được chấp nhận.

Bà S được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà S với Công ty I. Bà N được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà N với Công ty trách nhiệm hữu hạn Giày F.

[3] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc.

[4] Về án phí: Bà Võ Thị Kim N tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, 7, 9, 27, 140, 166 của Bộ luật lao động năm 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002; Điều 15, 16, 20 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006, Điều 18, 23 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 7, Điều 8 của Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về việc làm; điểm a Khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim N với bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết S.

Tuyên bố Hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Nguyễn Thị Tuyết S (trên hợp đồng lao động ghi tên bà Võ Thị Kim N) với Công ty trách nhiệm hữu hạn I, trong thời gian từ tháng 05/2010 đến tháng 03/2013, bị vô hiệu toàn bộ.

Điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội mã số 8010015847 ngày 06/6/2010 cấp cho bà Võ Thị Kim N do Công ty trách nhiệm hữu hạn I nộp từ tháng 05/2010 đến tháng 03/2013 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thành tên bà Nguyễn Thị Tuyết S.

Bà Võ Thị Kim N được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Võ Thị Kim N với Công ty trách nhiệm hữu hạn Giày F.

Gộp sổ bảo hiểm xã hội do mã số 8010015847 ngày 06/6/2010 đã được điều chỉnh sang tên bà Nguyễn Thị Tuyết S với sổ bảo hiểm xã hội mã số 8013016013 ngày 14/9/2013 cấp cho bà Nguyễn Thị Tuyết S tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 05/2013 đến ngày chấm dứt hợp đồng lao động tại Công ty trách nhiệm hữu hạn I.

Bà Nguyễn Thị Tuyết S được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Thị Tuyết S với Công ty trách nhiệm hữu hạn I tương ứng với thời gian tham gia bảo hiểm xã hội.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Kim N tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm. Tạm ứng án phí bà Võ Thị Kim N có nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000458 ngày 13/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, chuyển sang án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THA huyện Cần Giuộc;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tô Cẩm Hương